

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
-----o0o-----

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ VTRI THÔNG QUA NGÀY 03/8/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP- TỰ DO –HẠNH PHÚC
-----o0o-----

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Địa chỉ trụ sở chính: Số 478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội.
ĐT: (84 24) 3862 4025 – Fax: (84 24) 3862 2867
Địa chỉ chi nhánh: Số 345/128A, đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh
TP. HCM.
ĐT: (84 28) 3920 1396 - Fax: (84 28) 3920 2215

MỤC LỤC

		Trang
CHƯƠNG I	ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1	Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	1
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI	2
Điều 3	Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI	3
CHƯƠNG II	VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	10
Điều 4	Vốn điều lệ và cổ phần	10
Điều 5	Chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 6	Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 7	Thừa kế cổ phần	13
CHƯƠNG III	CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	13
Điều 8	Cơ cấu tổ chức quản lý	13
CHƯƠNG IV	CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG VTRI	14
Điều 9	Quyền hạn của Cổ đồng	14
Điều 10	Nghĩa vụ của Cổ đồng	16
Điều 11	Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 12	Người đại diện theo ủy quyền	19
Điều 13	Thay đổi các quyền	20
Điều 14	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo	20
Điều 15	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 16	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 17	Điều kiện đề nghị quyết được thông qua	24
Điều 18	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 19	Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 20	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 21	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG V	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 22	Tư cách, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 23	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	30

Điều 24	Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 25	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
CHƯƠNG VI	BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 26	Ban kiểm soát	36
CHƯƠNG VII	BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	39
Điều 27	Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 28	Tổng Giám đốc Công ty	40
Điều 29	Thư ký Công ty	42
CHƯƠNG VIII	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	43
Điều 30	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	43
Điều 31	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
CHƯƠNG IX	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI	45
Điều 32	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45
CHƯƠNG X	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	45
Điều 33	Cổ tức	45
Điều 34	Phân phối lợi nhuận sau thuế	46
CHƯƠNG XI	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	47
Điều 35	Tài khoản ngân hàng	47
Điều 36	Năm tài chính	47
Điều 37	Chế độ kế toán	47
CHƯƠNG XII	BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 38	Báo cáo tài chính hàng năm	47
Điều 39	Công bố thông tin	48
Điều 40	Báo cáo thường niên	48
CHƯƠNG XIII	KIỂM TOÁN VTRI	48
Điều 41	Kiểm toán	48
CHƯƠNG XIV	CON DẤU	48
Điều 42	Con dấu	48
CHƯƠNG XV	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	49
Điều 43	Chấm dứt hoạt động	49
Điều 44	Thanh lý	49
CHƯƠNG XVI	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 45	Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
CHƯƠNG XVII	TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	50

Điều 46	Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội	50
CHƯƠNG XVIII	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 47	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	51
CHƯƠNG XIX	NGÀY HIỆU LỰC	49
Điều 48	Ngày hiệu lực	51

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP- TỰ DO –HẠNH PHÚC
-----o0o-----

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Điều lệ này được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần (CTCP) – Viện Nghiên cứu Dệt May vào ngày 03 tháng 8 năm 2026,

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1. “VTRI” hoặc Công ty: “CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY”;

1.2. “Địa bàn kinh doanh”: Phạm vi địa lý mà VTRI thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

1.3. “Vốn điều lệ”: Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

1.4. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;

1.5. “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;

1.6. “Người quản lý doanh nghiệp”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh và Kế toán trưởng VTRI;

1.7. “Ngày thành lập”: Ngày được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của VTRI hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần;

1.8. Văn bản quy phạm pháp luật: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

1.9. Người có liên quan: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

1.10. “Cổ đông”: Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của VTRI và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VTRI;

1.11. “Thời hạn hoạt động”: Thời hạn hoạt động của VTRI được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.12. “Việt Nam”: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.13. “Người đại diện theo ủy quyền”: Là cá nhân được Cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

1.14. “Người được ủy quyền dự họp”: Người được Cổ đông (*tổ chức hoặc cá nhân*) hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

1.15. “Chi nhánh”: Đơn vị phụ thuộc của VTRI được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của VTRI kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của VTRI;

1.16. “Các quy chế nội bộ” là hệ thống quy chế, quy trình nội bộ của VTRI;

2. Các tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ này*) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (*nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh*) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được dẫn chiếu sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính

a) Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May;**

b) Loại hình hoạt động: **Công ty cổ phần;**

c) Tên giao dịch quốc tế: **VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE JOINT STOCK COMPANY;**

d) Tên viết tắt là: **VTRI;**

e) **Trụ sở chính: Số 478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội;**

f) Điện thoại: (84-24) 38624025; Fax: (84-24) 38622867;

g) Website: www.viendetmay.org.vn

Biểu tượng Logo của Công ty:



h) Email: info@viendetmay.org.vn;

Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile Research Institute Joint Stock Company in HCM City.

Tên viết tắt là: **VTRSI**

Địa chỉ: 345/128A đường Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 39201396

Fax: (84-28) 39202215

Email: trsi@hcm.vnn.vn

Website: www.phanviendetmay.org.vn

2. VTRI sau khi cổ phần hóa có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan. Công ty kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của VTRI trước khi chuyển đổi, được tiếp tục kinh doanh các ngành nghề hiện VTRI đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của VTRI là Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp.

4. VTRI có thể thành lập Chi nhánh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi các đơn vị trực thuộc VTRI tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của VTRI, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của VTRI là vô thời hạn trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác đi.

Điều 3. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI

1. Mục tiêu

Công ty hướng tới xây dựng và phát triển trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ hàng đầu, không chỉ trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng – là thế mạnh truyền thống – mà còn chủ động mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng khác phù hợp với năng lực cốt lõi và xu thế thị trường. Mục tiêu cao nhất là tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời duy trì sự phát triển bền vững.

Để đạt được mục tiêu này, Công ty tập trung triển khai các định hướng chiến lược sau:

1.1. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, các sản phẩm công nghệ mới có khả năng cạnh tranh vào sản xuất công nghiệp.

1.2. Cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ về thử nghiệm, chứng nhận, giám định, tư vấn. Đồng thời mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ sang các lĩnh vực ngoài dệt may khi có điều kiện phù hợp.

1.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ chuyên gia chất lượng cao, không chỉ phục vụ cho lĩnh vực truyền thống mà còn cho các ngành nghề mới mà Công ty sẽ mở rộng trong tương lai.

1.4. Duy trì lợi nhuận ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động trên toàn bộ các lĩnh vực; Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn chủ sở hữu, tăng cường năng lực tài chính để hỗ trợ các hoạt động mở rộng.

1.5. Tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có như thương hiệu, nhân lực, cơ sở hạ tầng và vị trí địa lý để nâng cao năng lực cạnh tranh; Tái đầu tư nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ cũng như đào tạo nhân lực chất lượng cao; Huy động nguồn lực từ các cổ đông hiện hữu để có nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển; Hướng đến mục tiêu dài hạn: Trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ mạnh, có năng lực tài chính vững, đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và khả năng thích ứng cao trong nền kinh tế thị trường.

2. Ngành nghề kinh doanh

2.1. Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

<i>Stt</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
1	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật; - Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên; - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ;	7212 (lĩnh vực chính)

	- Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.	
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm cơ lý, hóa, sinh và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm; - Thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu; - Giám định chất lượng, an toàn, xuất xứ, định danh sản phẩm, hàng hóa; - Giám định số lượng, khối lượng của sản phẩm, hàng hóa; giám định tình trạng của bao bì và hàng hóa; Giám định quy cách nhãn mác và ký (mã) hiệu sản phẩm, hàng hóa; - Giám định thiết bị, dây chuyền, công nghệ trong sản xuất và thử nghiệm xơ, sợi, dệt, may; - Giám định khác theo yêu cầu của khách hàng và cơ quan quản lý Nhà nước; - Phân tích lỗi, nguyên nhân hỏng trên mẫu và trong sản xuất xơ, sợi, dệt, may; - Chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý, quá trình sản xuất, thiết bị theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. (Công ty chỉ tiến hành của hoạt động trên khi đã đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (Loại trừ hoạt động y khoa)	7120
3	Sản xuất sợi	1311
4	Sản xuất vải dệt thoi	1312
5	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
6	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
7	Sản xuất hàng dệt sẵn (<i>trừ trang phục</i>)	1392
8	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
9	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
10	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang, không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tía trang trí: Vải viền, quả tua; - Sản xuất nỉ;	1399

	- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viên đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu đăng ten rời để trang trí; - Sản xuất tấm dệt được tẩy, được phủ hoặc tráng nhựa; - Sản xuất sợi dệt được tráng phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: Quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sỹ, vải thô và các loại vải hồ cứng,... - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn; - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật; - Sản xuất dây giày; - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay.	
11	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
12	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
13	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
14	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
16	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép: Chi tiết: - Bán buôn vải; - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; - Bán buôn hàng may mặc; - Bán buôn giày dép.	4641
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; thiết bị phòng thí nghiệm; Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác).	4659

18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.	5229
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Nhà không phải để ở gồm: Khu triển lãm, nhà kho, nơi dạo mát và trung tâm thương mại; - Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Kinh doanh bất động sản (Luật kinh doanh bất động sản).	6810
20	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
21	Sản xuất trang phục đan móc	1430
22	Sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
23	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	7320
24	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất công nghiệp; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4679
25	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác.	7410
26	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác. Chi tiết: - Bán lẻ vải; - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác.	4751
27	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da.	4771
28	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	8299

	Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại).	
29	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác. Chi tiết: - Tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội; - Tư vấn quản lý nguồn nhân lực; - Tư vấn quản lý sản xuất; - Tư vấn về hệ thống quản lý chất lượng.	7020
30	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải dệt may, da giày, polyme.	3811
31	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu.	8559
32	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu phi kim loại, gồm sản phẩm dệt may, da giày.	3830
33	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng); - Dịch vụ tư vấn, đào tạo, áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, tư vấn về chất lượng hàng hóa; - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công nghệ; - Dịch vụ tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: Tư vấn, giám sát lắp đặt thiết bị; - Tư vấn về công nghệ khác gồm: Kiểm kê khí nhà kính, Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính; - Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; - Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về: năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng; - Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế ;	7499

	- Tư vấn về chất lượng hàng hóa.	
34	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày, dép, đồ dùng gia đình.	4719
35	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác.	8569
36	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng.	4774
37	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.	9610
38	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa thuộc giao dịch bình thường như nguyên liệu sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, máy móc, thiết bị...	5210
39	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép, thép không gỉ, đồng, chì, nhôm, kẽm và các kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình (trừ vàng miếng và bán buôn phế liệu tại trụ sở).	4672
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ.	5225
41	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4673
42	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo. Chi tiết: - Điện gió; - Điện mặt trời.	3512
43	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: - Tư vấn thiết kế xây dựng phòng thí nghiệm; - Tư vấn lựa chọn máy móc và thiết bị phòng thí nghiệm.	7110
44	Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: - Hoạt động của các hệ thống truyền tải vận chuyển điện từ nơi sản xuất đến hệ thống phân phối; - Hoạt động trao đổi điện và khả năng truyền tải điện; - Hoạt động của hệ thống phân phối (tức là gồm có các tuyến dây, cột, đồng hồ đo và dây dẫn) vận chuyển điện từ nơi sản xuất hoặc hệ thống truyền tải đến người tiêu dùng cuối cùng; - Bán buôn điện; - Bán lẻ điện;	3513

	- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác; (Trừ truyền tải và Điều độ hệ thống điện quốc gia) (Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện của pháp luật, phạm vi hoạt động kinh doanh thực hiện theo giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)).	
45	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
46	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
47	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.	4322
48	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp - Quản lý, vận hành tòa nhà, bảo trì văn phòng.	8110

2.2. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

3.1. VTRI được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của VTRI.

3.2. VTRI có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 4. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của VTRI là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*). Vốn điều lệ của VTRI được chia thành 5.000.000 (*Năm triệu*) cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (*Mười nghìn đồng/cổ phần*).

2. Tất cả các cổ phần được phát hành vào ngày thông qua bản Điều lệ đầu tiên của VTRI đều là cổ phần phổ thông, không có cổ đông sáng lập, kể cả các cổ

phần do Nhà nước sở hữu. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 10, Điều 11 của Điều lệ này.

3. VTRI chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật trừ quy định tại khoản 7 và 8 Điều này.

4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, VTRI có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VTRI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. VTRI phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn chào bán theo quy định của Pháp luật. Mọi cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. VTRI có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào mà Pháp luật cho phép và nếu phù hợp, trong phạm vi tất cả các thẩm quyền quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Bất kỳ cổ phần nào được VTRI mua lại (*cổ phiếu quỹ*) đều có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật.

7. Khi có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật.

8. Trong các trường hợp sau Vốn điều lệ tăng mà không cần Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của VTRI và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần của VTRI, thì cũng coi như đã thông qua việc điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng vào thời điểm người sở hữu các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt. Vốn điều lệ của VTRI sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp đó, Hội đồng quản trị coi như đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để thực hiện các thủ tục hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng.

9. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho Cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

c) Vốn điều lệ không được các Cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp.

d) Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu, điều kiện được ghi tại cổ phiếu cho Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn theo điều khoản phát hành của phương án phát hành cổ phiếu của VTRI, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

4.1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

4.2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của VTRI.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

Điều 7. Thừa kế cổ phần

1. VTRI tôn trọng quyền thừa kế cổ phần và việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan.

2. Trong trường hợp Cổ đông qua đời, VTRI công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Cổ đông đã qua đời:

2.1. Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật;

2.2. Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của Cổ đông đã qua đời thì họ phải cử một (01) người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này. VTRI không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông, không miễn trừ trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà Cổ đông đã qua đời đã từng sở hữu.

4. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VTRI, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

5. Trường hợp cổ phần của Cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của VTRI bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc Công ty;

CHƯƠNG IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VTRI

Điều 9. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu VTRI và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

2.1. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết thông qua đường bưu chính hoặc biểu quyết tại hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

2.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

2.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên, địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

2.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

2.7. Trường hợp VTRI giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào VTRI sau khi VTRI đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của VTRI theo quy định của Pháp luật;

2.8. Yêu cầu VTRI mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

2.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VTRI có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;

2.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VTRI công bố theo quy định của pháp luật;

2.11. Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2.12. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền như sau:

3.1. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

3.2. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VTRI;

3.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VTRI khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; Phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.5. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

3.6. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

4.1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu:

- a) Từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% được quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- b) Từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d) Từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- đ) Từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% được quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- e) Từ sáu mươi (60)% đến dưới bảy mươi (70)% được quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- f) Từ bảy mươi (70)% đến dưới tám mươi (80)% được quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- g) Từ tám mươi (80)% đến dưới chín mươi (90)% được quyền đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4.2. Trường hợp số lượng ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử không đủ số lượng ứng viên cần thiết, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4.3. Trình tự, thủ tục bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được quy định chi tiết trong Quy chế quản trị VTRI và Quy chế bầu cử được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Nghĩa vụ của Cổ đông

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ này và quy chế quản lý nội bộ của VTRI; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VTRI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VTRI hoặc người khác mua lại cổ phần.
- 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VTRI khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký.
- 4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VTRI dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

5.1. Vi phạm pháp luật;

5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VTRI. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

2.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty;

2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

2.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

2.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

2.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;

2.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

2.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.11. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.12. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

2.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

3.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

3.2. Báo cáo tài chính hằng năm;

3.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

3.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

3.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

3.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

3.7. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

4.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

4.3. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;

4.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

4.5. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm 4.3 và điểm 4.4 khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 12. Người đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định pháp luật. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông có thể cử tối đa ba (03) Người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VTRI trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông;

1.2. Số lượng cổ phần, loại cổ phần;

1.3. Số lượng, họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Người đại diện theo ủy quyền;

1.4. Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần được ủy quyền của mỗi Người đại diện theo ủy quyền;

1.5. Thời hạn ủy quyền ưng ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền (ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền);

1.6. Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

2. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền; Tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền; Số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần được quyền; Nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Giá trị của phiếu biểu quyết của Người được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền:

a) Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, khoản này sẽ không áp dụng nếu VTRI nhận được thông báo bằng văn bản về một trong ba trường hợp nêu trên chậm nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với Người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

Điều 13. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện theo ủy quyền/Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 15, 16 và 17 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VTRI gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi vì việc phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 14. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

1.1. Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (danh sách được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông), chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của VTRI;

1.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

1.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

1.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

1.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

1.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;

1.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức gửi thư thông qua đường bưu chính, gửi thư điện tử (email), gửi tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc bằng phương thức liên lạc khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký; Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VTRI. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VTRI. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận và VTRI phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu. Các tài liệu họp bao gồm:

2.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

2.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

2.3. Phiếu biểu quyết;

2.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

2.5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi cho VTRI chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần sở hữu và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Trường hợp người triệu tập Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 3 của Điều này trong các trường hợp sau đây:

4.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều này;

4.2. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ từ đủ năm (05)% cổ phần phổ thông trở lên;

4.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 15. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba (33)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.2. Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản

tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

8.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn hoặc tạm dừng tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 17. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này và khoản 1 Điều 13 Điều lệ này:

1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty;

1.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này và khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu

bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của VTRI. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;

1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Toà án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Việc gửi nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, trừ các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1.1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát;

1.2. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI.

3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng. Danh sách Cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu xin ý kiến.

Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn Cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký. Đồng thời, Hội đồng quản trị đăng phiếu lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của VTRI. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. Hội đồng quản trị phải gửi các tài liệu trên cho Cổ đông nếu Cổ đông có yêu cầu.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

4.2. Mục đích lấy ý kiến;

4.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

4.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

4.6. Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VTRI;

4.7. Nơi, cách thức tải dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI;

4.8. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VTRI theo một trong các hình thức sau đây:

5.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

5.2. Gửi fax hoặc thư điện tử (email): Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI qua fax hoặc thư điện tử (email) phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

5.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử (email) là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không giữ chức vụ quản lý của VTRI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

6.3. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

6.5. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài (nếu có thẩm quyền) xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Tư cách, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

1.2. Có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty hoặc có kinh nghiệm quản trị kinh doanh;

1.3. Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

2. Thành phần và nhiệm kỳ

2.1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên;

2.2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên là thành viên không điều hành;

2.3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

2.4. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị) hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của thành viên khác;

2.5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của khoản 1 Điều này, Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của VTRI. Hội đồng quản trị tiếp nhận, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên đó không được quyền thảo luận và biểu quyết các quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày ký đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại nghị quyết có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 23. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:

3.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

3.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

3.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

3.5. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Quyết định giá cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

3.6. Trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng theo quy định Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thẩm quyền:

a) Thông qua quyết định đầu tư dự án, mua sắm, bán/nhượng bán/thanh lý tài sản có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán của VTRI;

b) Thông qua quyết định đầu tư ra ngoài Công ty và chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất được kiểm toán của VTRI;

c) Thông qua hạn mức chi tiêu phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên với tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên. Quyết định đối với tổng giá trị chi tiêu từ 3 tỷ đồng trở xuống vượt quá Kế hoạch đã được duyệt nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đối với

khoản chi vượt quá Kế hoạch đã được duyệt có tổng giá trị trên 3 tỷ đồng, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

3.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

3.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

3.9. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

3.10. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

3.11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

3.12. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

3.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

3.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

3.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 24. Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết).

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty hoặc có kinh nghiệm quản trị kinh doanh tối thiểu 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

2.3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.4. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.5. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc (nếu có);

2.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của VTRI, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số (trên 50%) thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc bị miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị vì bất cứ lý do nào, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận đơn từ chức hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

5. Trong trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị có thể quyết định việc bầu hoặc không bầu người thay thế. Trong trường hợp quyết định bầu người thay thế, Hội đồng quản trị phải thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 25. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều này. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

4. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

4.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;

4.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4.3. Ban kiểm soát;

4.4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình VTRI.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản này. Nếu Chủ tịch không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VTRI. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VTRI hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị trước khi tổ chức họp (5 ngày làm việc đối với cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và 7 ngày làm việc đối với cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường). Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và

các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VTRI.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

8.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

8.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

8.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

8.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc và được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Biểu quyết:

9.1. Trừ quy định tại điểm 9.2 khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

9.2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền tham dự họp sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể và/hoặc lợi ích đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của VTRI;

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.

9.3. Theo quy định tại điểm 9.2 khoản này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó có liên quan, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất

cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

10. Biểu quyết thông qua các quyết định: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên năm mươi (50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.

11. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải công khai bản chất, nội dung (kể cả các sửa đổi, bổ sung) các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc trách nhiệm được đề cập tại Điều lệ này. Việc chấp thuận hay không cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó được các thành viên còn lại quyết định theo cách thức biểu quyết công khai.

12. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trên 50%). Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết, quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (01) thành viên trở lên ký.

13. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức khác:

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có thể được thông qua bằng hình thức các thành viên Hội đồng quản trị ký xác nhận tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trên 50%) vào tờ trình Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc phân cấp, ủy quyền trình Hội đồng quản trị. Ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị có thể được thành viên đó ghi bằng tay bên cạnh chữ ký và có giá trị ràng buộc đối với thành viên đó. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức quy định tại khoản này có hiệu lực và giá trị pháp lý như được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

14. Biên bản cuộc họp:

14.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm 14.2 Điều này.

14.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

14.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 và Điều 173 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát

việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

1.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý của VTRI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của VTRI và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VTRI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VTRI bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này;

1.5. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI;

1.6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI;

1.7. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

1.8. Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VTRI để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

1.9. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VTRI;

1.10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTRI.

2. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của VTRI thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

2.1. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI;

2.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

2.3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

2.4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của các cơ quan quản lý của VTRI;

2.5. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Điều 171, Điều 173 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; Và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 169 của Luật Doanh nghiệp và không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI trong 03 năm liền trước đó.

Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm cho đến khi Kiểm soát viên

mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp bầu bổ sung (do tăng số lượng Kiểm soát viên) hoặc bầu thay thế Kiểm soát viên bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì thời hạn nhiệm kỳ của Kiểm soát viên được bầu bổ sung hoặc thay thế bằng thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm (05) năm của Kiểm soát viên trước đó.

5. Trường Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

5.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp;

5.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

5.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

6. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.

7. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

8.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

8.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VII

BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI có một (01) Tổng Giám đốc Công ty, các Phó Tổng Giám đốc Công ty và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó:

1. Phó Tổng Giám đốc Công ty là người giúp Tổng Giám đốc Công ty một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Tổng Giám đốc Công ty đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 28. Tổng Giám đốc Công ty

1. Bổ nhiệm:

1.1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng lao động theo quy định pháp luật lao động;

1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty:

a) Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ từ Đại học trở lên;

c) Có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI;

d) Không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của VTRI, người đại diện phần vốn của cổ đông tại VTRI.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Công ty không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ:

3.1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; ký các văn bản về hoạt động khoa học công nghệ và các văn bằng đào tạo;

3.2. Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí Người quản lý mà VTRI cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong VTRI, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

3.3. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

3.4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VTRI;

3.5. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành;

3.6. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

3.7. Tổng Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;

3.8. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

3.9. Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên (trên 50%) Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc không được tham gia biểu quyết nội dung này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

6. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

6.1. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của VTRI;

6.2. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

6.3. Có đơn xin thôi việc;

6.4. Hợp đồng lao động hết hạn hoặc nghỉ hưu theo chế độ và VTRI không có nhu cầu ký lại hợp đồng lao động.

7. Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

7.1. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VTRI;

7.2. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 29. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI.

3. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VTRI và Cổ đông;

3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

3.4. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp, đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật;

3.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; Là đầu mối liên hệ với các bên có quyền lợi liên quan;

3.6. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VTRI;

3.7. Bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;

3.8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của VTRI và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:

2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

2.2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ;

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải

trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận. Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI.

3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

5. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người

đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của VTRI như sau:

a) Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi thông tin chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VTRI, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VTRI.

Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của VTRI, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VTRI vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. VTRI sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

CHƯƠNG X

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 33. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VTRI.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VTRI.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng tiền mặt, các cổ phiếu hoặc trái phiếu khác đã được thanh toán hết tiền mua do VTRI phát hành, hoặc các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của VTRI) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VTRI đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông. Nếu VTRI đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì VTRI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được VTRI chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 34. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Hàng năm VTRI phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước;
2. Số lợi nhuận còn lại (sau khi trừ khoản lỗ của các năm trước quy định tại khoản 1 Điều này) được phân phối như sau:
 - 2.1. Trích quỹ đầu tư phát triển;
 - 2.2. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - 2.3. Trích thưởng ban quản lý điều hành;
 - 2.4. Chia cổ tức;

2.5. Để lại năm sau (nếu có).

Mức trích cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG XI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35. Tài khoản ngân hàng

1. VTRI sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, VTRI có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.

3. VTRI sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VTRI mở tài khoản.

Điều 36. Năm tài chính

Năm tài chính của VTRI bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 37. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán được VTRI sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. VTRI sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VTRI sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà VTRI tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VTRI.

3. VTRI sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 38. Báo cáo tài chính hàng năm

1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật.

Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI.

2. Báo cáo tài chính năm của VTRI phải nộp cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.

Điều 39. Công bố thông tin

1. Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán phải được công bố trên website của VTRI.

Điều 40. Báo cáo thường niên

VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên cho cổ đông theo các quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIII KIỂM TOÁN VTRI

Điều 41. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một hoặc thông qua danh sách một số Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách hàng năm được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán để quyết định lựa chọn một trong các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VTRI cho năm tài chính tiếp theo.

2. VTRI sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật.

3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của VTRI.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VTRI được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của VTRI.

CHƯƠNG XIV CON DẤU

Điều 42. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua con dấu chính thức của VTRI và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của Pháp luật.

2. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.

CHƯƠNG XV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43. Chấm dứt hoạt động

1. VTRI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể VTRI đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 44. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể VTRI, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý ("Ban Thanh lý") gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VTRI hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý sẽ được VTRI ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VTRI.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt VTRI trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VTRI trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

3.2. Nợ thuế;

3.3. Các khoản nợ khác;

3.4. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

CHƯƠNG XVI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VTRI hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Luật Doanh nghiệp hay các quy định khác của Pháp luật, giữa:

1.1. Một Cổ đông hay các Cổ đông với VTRI; hoặc

1.2. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty hay Người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Án phí sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XVII

TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 46. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó.

3. Tổng Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định Pháp luật hiện hành của Việt Nam và các thông lệ thương mại quốc tế.

CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này bao gồm 19 chương và 48 Điều, được Đại hội đồng cổ đông VTRI thông qua tại Nghị quyết số 1086/NQ-ĐHĐCĐ-VTRI ngày 03/8/2026 và có hiệu lực từ ngày 03/8/2026.

2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một (01) bản lưu trữ tại trụ sở chính của VTRI.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VTRI.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Lượng

